

Bản án số: 745/2026/HS-PT
Ngày 08 - 9 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Minh Châu.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Minh Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 593/HSPT ngày 15 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo Bùi Thị Ánh T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 282/2026/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Thị Ánh T, sinh năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: D Chợ C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị S; có chồng và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 01/11/2024 đến ngày 11/9/2025 được áp dụng biện pháp bảo lãnh đến nay; tại ngoại, có mặt.

- Ngoài ra còn có 02 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 10/2024, do cần tiền tiêu xài nên Bùi Thị Ánh T và Nguyễn Mộng K thỏa thuận với nhau bán số đề để hưởng lợi, T là người thầu đề,

K sẽ bán số cho người đánh bạc rồi nhắn tin phoi đề trước cho T qua số điện thoại +84909839153 tên “Ut 9 VIBER”. Khi có kết quả xổ số, nếu người đánh bạc thua, K sẽ thu tiền người đánh bạc với chiết khấu là 80%, K giao lại cho T 76%, hưởng lợi 4%. Nếu người đánh bạc thắng, K quy ước riêng với người đánh bạc sẽ trả tiền thắng để theo tỷ lệ như sau: trúng 75.000 đồng trả 74.000 đồng, trúng 650.000 đồng trả 640.000 đồng, trúng 5.500.000 đồng trả 5.400.000 đồng, đá xiên trúng 550.000 đồng trả 520.000 đồng. T, K sử dụng kết quả xổ số miền N để tính thắng thua bằng tiền với người đánh bạc theo các hình thức: bao lô, xiù chủ, đầu đuôi, đá xiên, cụ thể như sau:

Bao lô: Hai số có 18 lô, ba số có 17 lô, bốn số có 16 lô cho mỗi đài; nếu đánh 1.000 đồng sẽ trúng như sau: Hai số trúng 75.000 đồng, ba số trúng 650.000 đồng, bốn số trúng 5.500.000 đồng.

Đầu đuôi: Lấy kết quả giải 8 và hai số cuối giải đặc biệt của mỗi đài, nếu đánh 1.000 đồng sẽ trúng 75.000 đồng.

Xiù chủ: Lấy kết quả của giải 7 và ba số cuối giải đặc biệt, nếu đánh 1.000 đồng trúng 650.000 đồng.

Đá xiên: Người đánh bạc sẽ mua hai con số có hai chữ số và bắt buộc phải tính kết quả của 02 đài, khi so sánh kết quả xổ số thì được tính như sau: nếu hai số mà người đánh bạc mua đều xổ ở một đài hoặc mỗi đài có một con số thì tính là trúng, nếu đánh 1.000 đồng thì sẽ trúng 550.000 đồng.

Ngày 28/10/2024, K đã bán số đề của 02 đài Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp sau đó nhắn tin phoi đề cho T, tổng cộng là 06 phoi gồm:

Phoi số 1: 30.000 đồng xiù chủ và 15.000 đồng đảo xiù chủ số 872; 20.000 đồng xiù chủ số 732; 3.000 đồng bao lô số 3956; 5.000 đồng bao lô và 30.000 đồng xiù chủ số 956; 30.000 đồng đầu đuôi các số 48, 89, 64; 70.000 đồng đầu đuôi và 15.000 đồng bao lô số 56; 3.000 đồng đá xiên các số 49, 89, 64; 3.000 đồng đá xiên các số 63, 10 của 02 đài Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp.

Phoi số 2: 5.000 đồng đảo xiù chủ số 663; 10.000 đồng xiù chủ các số 680, 642 của 02 đài Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp; 15.000 đồng đầu đuôi số 47 đài Thành phố Hồ Chí Minh.

Phoi số 3: 480.000 đồng bao lô các số 38,78,39,79 của 02 đài Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp.

Phoi số 4: 10.000 đồng bao lô số 5357 đài Đồng Tháp; 10.000 đồng bao lô số 357 đài Đồng Tháp; 10.000 đồng đầu đuôi số 33 đài Đồng Tháp; 50.000 đồng đầu đuôi và 10.000 đồng bao lô số 10 đài Đồng Tháp; 10.000 đồng xiù chủ số 368 đài Đồng Tháp; 50.000 đồng đầu và 10.000 đồng đuôi số 33 đài Thành phố Hồ Chí Minh.

Phoi số 5: 10.000 đồng xiù chủ số 972 đài Thành phố Hồ Chí Minh; 10.000 đồng xiù chủ số 386 đài Thành phố Hồ Chí Minh; 10.000 đồng đầu đuôi số 49 đài Thành phố Hồ Chí Minh; 50.000 đồng đầu đuôi số 64 đài Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh; 10.000 đồng bao lô các số 49, 64 đài Đồng Tháp; 480.000 đồng bao lô số 32 đài Đồng Tháp.

Phoi số 6: 20.000 đồng bao lô các số 751, 365 02 đài Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp; 50.000 đồng đầu đuôi số 33 đài Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp; 50.000 đồng đầu và 70.000 đồng đuôi số 86 đài Thành phố Hồ Chí Minh; 3.000 đồng bao lô và 30.000 đồng xiu chủ số 286 đài Thành phố Hồ Chí Minh; 20.000 đồng xiu chủ số 286 đài Đồng Tháp; 50.000 đồng đầu đuôi số 86 đài Đồng Tháp.

Tổng số tiền của 06 phoi đề là 94.441.000 đồng, số tiền thực tế người đánh bạc phải trả là 75.550.000 đồng; K sẽ giao cho T số tiền là 71.775.000 đồng (tương đương 76%), hưởng lợi 3.775.000 đồng (tương đương 04%). Trong đó K đã bán số đề cho các con bạc có tên sau:

1/ Phan Thị Hải C: 10.000 đồng đảo xiu chủ số 663; 5.000 đồng đá xiên các số 63, 10; 500.000 đồng xiu chủ và 20.000 đồng đảo xiu chủ số 872 của cả 02 đài Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp, tổng số tiền là 2.960.000 đồng, thực tế trả 2.368.000 đồng.

2/ Nguyễn Thị Cẩm N: 15.000 đồng bao lô đài Thành phố Hồ Chí Minh và 5.000 đồng bao lô đài Đồng Tháp số 33; 50.000 đồng đầu đuôi số 33 02 đài, tổng số tiền 560.000 đồng, thực tế trả 448.000 đồng.

3/ Phạm Cao T1: 60.000 đồng đầu và 80.000 đồng đuôi số 86 đài Thành phố Hồ Chí Minh; 6.000 đồng bao lô và 35.000 đồng xiu chủ số 286 đài Thành phố Hồ Chí Minh; 3.000 đồng bao lô và 20.000 đồng xiu chủ số 286 đài Đồng Tháp; 50.000 đồng đầu đuôi số 86 đài Đồng Tháp, tổng số tiền là 503.000 đồng, thực tế trả 402.000 đồng.

4/ Trần Văn T2: Bao lô 02 đài các số 39, 38, 78, 79 tổng số tiền là 72.000.000 đồng, thực tế trả 57.600.000 đồng nhưng do K thấy T2 mua nhiều nên tự trừ lại tiền T2 mua 20.000.000 đồng bao lô 04 con số 39, 38, 78, 79 cho hai đài Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp, tổng cộng là 2.880.000 đồng; K chỉ gửi T phoi đề có tổng số tiền T2 mua đề là 69.120.000 đồng, nếu T2 thắng K tự trả tiền cho T2, nếu T2 thua thì K sẽ lấy số tiền trên.

Ngoài ra K còn bán số đề cho một số người đánh bạc (chưa rõ lai lịch); K, T chưa lấy tiền của tất cả những người đánh bạc nêu trên.

Sau khi có kết quả xổ số ngày 28/10/2024, có 02 số trúng là: 15.000 đồng bao lô số 56 trúng được 2.250.000 đồng và 10.000 đồng bao lô số 10 đài Đồng Tháp trúng được 750.000 đồng, tổng số tiền là 3.000.000 đồng (chưa rõ lai lịch người đánh bạc).

Vào khoảng 17 giờ 50 phút ngày 28/10/2024, tổ công tác Công an Q tiến hành kiểm tra hành chính nhà số C - C C, phường C, Quận A phát hiện Nguyễn Mộng K có hành vi bán số đề nên đưa về trụ sở để điều tra làm rõ. Từ lời khai của K, Cơ quan điều tra đã đưa Bùi Thị Ánh T, Trần Văn T2, Mai Hoàng V, Phan Thị Hải C, Nguyễn Thị Cẩm N, Phạm Cao T1 về trụ sở để điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Thị Ánh T, Nguyễn Mộng K, Trần Văn T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên phù hợp với biên bản ghi nhận sự việc, biên bản kiểm tra điện thoại di động, dữ liệu tin nhắn di động, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập.

Đối với Mai Hoàng V, Phan Thị Hải C, Nguyễn Thị Cẩm N, Phạm Cao T1, kết quả xác minh không có tiền án, tiền sự nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự mà chuyển giao cho Công an phường C, Quận A ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

Đối với những người đánh bạc, mua số đề của K chưa rõ lai lịch, Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xử lý, khi nào xác định được sẽ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng vụ án: theo lệnh nhập kho vật chứng số 82/LNK- ĐCSHS ngày 01/11/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại bản Cáo trạng số 347/CT-VKSKV1 ngày 08/4/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Bùi Thị Ánh T, Nguyễn Mộng K, Trần Văn T2 về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 282/2026/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Ánh T đã phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Ánh T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 01/11/2024 đến ngày 11/9/2025.

Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng.

Còn xử phạt bị cáo Nguyễn Mộng K 04 (bốn) năm tù, bị cáo Trần Văn T2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù theo tội danh Cáo trạng truy tố và phạt bổ sung mỗi bị cáo 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nộp lại tiền dùng vào việc đánh bạc, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 16/6/2026 bị cáo Bùi Thị Ánh T làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, chuyển án giam sang án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo T thay đổi yêu cầu kháng cáo xin hưởng hình phạt nhẹ nhất để được điều trị bệnh ung thư và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên xử.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

và hậu quả của hành vi phạm tội, nhận định án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Bùi Thị Ánh T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, có sự phân hóa đối với các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nhưng mức án sơ thẩm đã tuyên với bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Ánh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với họ.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

- Nói lời sau cùng bị cáo đã nhận thức được hành vi sai phạm, không dám tái phạm nên xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 28/10/2024 tại địa bàn Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Bùi Thị Ánh T, Nguyễn Mộng K có hành vi tổ chức đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số đề. Trong đó bị cáo T bán số đề với tổng số tiền là 97.441.000 đồng, bị cáo Kiều bán số đề với tổng số tiền là 100.321.000 đồng (gồm 97.441.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền con bạc thắng đề) cho các con bạc trong đó bán số đề cho Trần Văn T2 số tiền 72.000.000 đồng, Phạm Cao T1 số tiền 503.000 đồng, Nguyễn Thị Cẩm N số tiền 560.000 đồng, Phan Thị Hải C - Mai Hoàng V số tiền 2.720.000 đồng và những con bạc khác không rõ nhân thân lai lịch số tiền là 18.658.000 đồng (gồm 94.441.000 đồng nhưng K chưa nhận số tiền 72.000.000 đồng của T2) nên bị cáo K phải nộp lại số tiền 25.321.000 đồng; bị cáo Trần Văn T2 là người đánh bạc bằng hình thức mua số đề của K với số tiền là 72.000.000 đồng, T hưởng lợi 3.000.000 đồng.

Đối với Mai Hoàng V, Phan Thị Hải C, Nguyễn Thị Cẩm N, Phạm Cao T1, kết quả xác minh không có tiền án, tiền sự nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự mà chuyển giao cho Công an phường C, Quận A ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” là có căn cứ.

Như vậy, hành vi khách quan của các bị cáo Bùi Thị Ánh T, Nguyễn Mộng K đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (viết tắt là Bộ luật Hình sự), với tình tiết định tội là *“Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên”*. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý.

Còn hành vi khách quan của bị cáo Trần Văn T2 đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (viết tắt là Bộ luật Hình sự), với tình tiết định khung hình phạt là *“Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên”*. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Trong vụ án này có đồng phạm giữa các bị cáo Bùi Thị Ánh T, Nguyễn Mộng K theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, tại bản án số 198/2025/HS-PT ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên hủy bản án số 45/2025/HS-ST ngày 25/3/2025 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử phạt bị cáo Bùi Thị Ánh T 01 năm 03 tháng tù, bị cáo Nguyễn Mộng K 01 năm 06 tháng tù đều về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn T2 03 năm tù về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự (thụ lý xét xử phúc thẩm do có kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Ánh T). Theo hướng yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử lại đối với bị cáo Bùi Thị Ánh T và bị cáo Nguyễn Mộng K về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Bản án số 198/2025/HS-PT ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang có hiệu lực pháp luật.

[2] Với hành vi khách quan nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử:

[2.1] Các bị cáo Nguyễn Mộng K, Trần Văn T2 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự (thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm). Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên án tuyên với họ đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Bị cáo Bùi Thị Ánh T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự (thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm).

Và khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

- Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đang điều trị bệnh ung thư nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: không có.

Từ đó, quyết định xử phạt bị cáo T 04 (bốn) năm tù. Phạt bổ sung 20.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong vụ án này cần xem xét cho bị cáo Bùi Thị Ánh T như đã lập luận tại đoạn [1] thì hành vi khách quan của bị cáo Bùi Thị Ánh T đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự (thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm) mới đúng với bản chất của vụ án, phù hợp với hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Nhưng do tội “Tổ chức đánh bạc” có khung hình phạt khởi điểm và cao nhất nặng hơn tội “Đánh bạc” nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không sửa án về phần tội danh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, mà có xem xét về phần hình phạt cho bị cáo T.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt thì được xem xét bởi các căn cứ sau đây:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu. Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh để bị cáo được điều trị bệnh ung thư tụy. Quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để nhanh chóng giải quyết vụ án theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ - HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 01/11/2024 đến ngày 11/9/2025 (là 10 tháng 10 ngày).

- Bị cáo đã nộp số tiền 23.000.000 đồng để nộp tiền phạt bổ sung và tiền nộp vào ngân sách nhà nước theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Trên nguyên tắc xử lý quy định tại Điều 3 Bộ luật Hình sự: *“Khoan hồng đối với người thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra...”*.

Do đó, bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo T, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hậu quả của hành vi phạm tội thì Hội đồng xét xử phúc thẩm xử bị cáo thời hạn tù bằng thời hạn đã bị tạm giam, không cần phải bắt bị cáo tiếp tục chấp hành hình phạt tù. Cũng đủ sức giáo dục họ ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng cho bị cáo ở ngoài xã hội để có điều kiện điều trị bệnh ung thư tụy.

[3] Trên cơ sở lập luận tại đoạn [1] và [2] là căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận hay không chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, yêu cầu kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Ánh T.

Sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo.

Trường hợp sửa án này, Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không chịu theo quy định khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s điểm t khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Ánh T 10 (mười) tháng 10 (mười) ngày tù về tội “Đánh bạc” (được khấu trừ vào thời gian bị tạm giam từ ngày 01/11/2024 đến ngày 11/9/2025). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Ghi nhận bị cáo T đã nộp tiền phạt bổ sung 20.000.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền nộp vào ngân sách nhà nước (theo biên lai thu tiền số 0005391 ngày 07/9/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H).

Bị cáo T không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Tối cao;(1) **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND Tp . HCM;(3)
- VKSND Khu vực 1; (1)
- THA-DS Khu vực 1; (1)
- TAND Khu vực 1; (2)
- Công an Tp . HCM; (1)
- Phòng PV 06 - CA Tp. HCM;(1)
- Bị cáo;(1) **Bùi Đức Nam**
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ; (17) (4)